

BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

Tên gói thầu: May đồng phục văn phòng cho CBCNV Công ty năm 2026

Phát hành ngày 31/7/2026: Ban hành kèm theo Thư mời chào giá cạnh tranh gói thầu ngày 31/7/2026.

Ban hành kèm theo Quyết định: Quyết định số 404/QĐ-CPNT2 ngày 31/7/2026 của Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 về việc Phê duyệt bản yêu cầu báo giá gói thầu May đồng phục văn phòng cho CBCNV Công ty năm 2026

Bên mời thầu
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí
Nhơn Trạch 2

Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên bên mời thầu là: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.
2. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào giá (nộp báo giá) gói thầu May đồng phục văn phòng cho CBCNV Công ty năm 2026. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.
3. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo quy định. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo thỏa thuận trong văn bản thỏa thuận liên danh;

Thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với thời đáp ứng thời gian theo yêu cầu tại điểm 1, Mục I, Chương II – Phạm vi công việc tổng thể tại YCBG;

Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu;

Thời hạn hiệu lực của BBG đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 8 của YCBG.

2. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương đủ điều kiện năng lực hoạt động, thực hiện gói thầu theo quy định của pháp luật do cơ quan có thẩm quyền cấp;
3. Hạch toán tài chính độc lập;
4. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
5. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
6. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

Nhà thầu có BBG hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh

nghiệm. Nhà thầu có BBG không đáp ứng yêu cầu về tư cách hợp lệ thì bị loại.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kinh nghiệm

Đối với nhà thầu liên danh thì năng lực, kinh nghiệm được xác định bằng tổng năng lực, kinh nghiệm của các thành viên liên danh song phải bảo đảm từng thành viên liên danh đáp ứng năng lực, kinh nghiệm đối với phần việc mà thành viên đó đảm nhận trong liên danh; nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh không đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm thì nhà thầu liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu.

Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá BBG của nhà thầu chính. Bản thân nhà thầu chính phải đáp ứng các tiêu chí về năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).

Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá sau đây:

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ				Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh			
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	Tối thiểu một thành viên liên danh	
1	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự	- Có tối thiểu 01 hợp đồng tương tự về cung cấp trang phục/đồng phục/quần áo mà nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn (hoàn thành $\geq 80\%$ gói thầu) với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) trong vòng 05 năm trở	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm	Không áp dụng	Mẫu số 04

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ				Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh			
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	Tối thiểu một thành viên liên danh	
		lại đây (tính đến thời điểm hết hạn nộp BBG): có giá trị $\geq$ 931 Triệu đồng			nhận)		
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế	Cam kết đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Cam kết theo đơn dự thầu

(1) Đối với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

(2) Để chứng minh hợp đồng tương tự hoàn thành, Nhà thầu phải cung cấp các bản sao chứng thực hợp đồng và các tài liệu, chứng từ chứng minh hợp đồng đã hoàn thành.

Nhà thầu có BBG đạt yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật. Nhà thầu có BBG không đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm thì bị loại.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá sau đây:

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
I. Về phạm vi cung cấp			
1	Đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Đáp ứng yêu cầu tại Mục II, Chương II –	Không đáp ứng yêu cầu tại Mục II,

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
		<i>Đặc tính kỹ thuật của sản phẩm tại YCBG</i>	<i>Chương II – Đặc tính kỹ thuật của sản phẩm tại YCBG</i>
2	Phạm vi cung cấp	<i>Theo đúng yêu cầu tại Chương II – Yêu cầu về phạm vi cung cấp tại YCBG</i>	<i>Không đúng yêu cầu tại Chương II – Yêu cầu về phạm vi cung cấp tại YCBG</i>
II. Các cam kết			
1	Cam kết cung cấp chất liệu vải đáp ứng đặc tính kỹ thuật tại YCBG	<i>Có cam kết đáp ứng theo yêu cầu</i>	<i>Không có cam kết hoặc có cam kết không đáp ứng theo yêu cầu</i>
2	Cam kết đảm bảo toàn bộ sản phẩm hoàn thiện theo số đo kích thước của từng CBCNV, hoàn thiện theo yêu cầu cá nhân từng CBCNV.	<i>Có cam kết đúng theo yêu cầu</i>	<i>Không có cam kết hoặc có cam kết không đúng theo yêu cầu</i>
III. Chế độ Bảo hành, khắc phục sửa chữa			
1	- Thời gian bảo hành cho toàn bộ phạm vi cung cấp: ≥ 30 ngày (không giới hạn lần đổi). - Thời gian khắc phục sửa chữa ≤ 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên mời thầu.	<i>Có cam kết đúng theo yêu cầu</i>	<i>Không có cam kết hoặc có cam kết không đúng theo yêu cầu</i>

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
IV. Tiến độ và địa điểm lấy số đo CBCNV, giao hàng			
1	- Địa điểm lấy số đo CBCNV, giao hàng tại Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2; Địa chỉ: Ấp 3 xã Đại Phước – TP.Đồng Nai hoặc đúng địa điểm yêu cầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2. - Tiến độ giao hàng: theo biểu tiến độ cung cấp nêu tại chương II	Theo đúng yêu cầu tại Chương II – Yêu cầu về phạm vi cung cấp tại YCBG	Không đúng yêu cầu tại Chương II – Yêu cầu về phạm vi cung cấp tại YCBG

Nhà thầu có BBG đạt yêu cầu về kỹ thuật được xem xét, đánh giá tiếp về giá. Nhà thầu có BBG không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật thì bị loại

Mục 5. Tiêu chuẩn đánh giá về giá: Áp dụng Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá chào của hàng hóa đã bao gồm bao gồm thuế VAT, thuế, phí, lệ phí (nếu có);

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (1));

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (2));

Bước 4. Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có);

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: BBG có giá chào của hàng hóa đã bao gồm bao gồm thuế VAT, thuế, phí, lệ phí (nếu có) sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sửa lỗi (nếu có), hiệu chỉnh sai lệch (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Với điều kiện BBG đáp ứng căn bản YCBG, việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp không nhất quán giữa đơn

giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá dự thầu có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong YCBG và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được ghi đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá dự thầu tương ứng thì đơn giá dự thầu được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá dự thầu nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá dự thầu; nếu một nội dung nào đó có ghi đơn giá dự thầu và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá dự thầu của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong YCBG thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong YCBG;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá dự thầu rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá dự thầu sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá dự thầu tương ứng trong BBG của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp có sai lệch thiếu (thiếu hạng mục công việc so với yêu cầu về phạm vi cung cấp) mà không có đơn giá tương ứng trong BBG của nhà thầu có sai lệch thì thực hiện hiệu chỉnh sai lệch như sau:

Lấy mức đơn giá dự thầu cao nhất đối với hạng mục công việc mà nhà thầu chào

thiếu trong số các BBG khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong BBG của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá dự thầu của công việc này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá dự thầu tương ứng trong BBG của nhà thầu này; trường hợp BBG của nhà thầu không có đơn giá dự thầu tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.

Mục 6. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 03a Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá ” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 7. Thành phần báo giá

Bản Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1) Đơn dự thầu theo Mẫu số 01 Chương III;

- 2) Thỏa thuận liên doanh theo Mẫu số 02 Chương III (nếu có);
- 3) Biểu giá, phạm vi cung cấp theo Mẫu 03a (bao gồm Mẫu 03a (1)) Chương III;
- 4) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương đủ điều kiện năng lực hoạt động, thực hiện gói thầu theo quy định của pháp luật do cơ quan có thẩm quyền cấp;
- 5) Các chứng từ khác theo yêu cầu Bản Báo giá.

Mục 8. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của báo giá là 70 ngày, kể từ ngày có thời điểm ngừng tiếp nhận BBG.

Mục 9. Nộp, tiếp nhận, đánh giá Bản báo giá

1. Nhà thầu phải nộp Bản báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về địa chỉ: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2; Địa chỉ Ấp 3, xã Đại Phước, TP.Đồng Nai không được muộn sau 14h00 ngày 10/8/2026. Các Bản báo giá được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá.

3. Bên mời thầu so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, bên mời thầu có thể mời nhà thầu có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 10. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

Mục 11. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax và được đăng tải trên trang thông tin điện tử (<http://pvpnt2.vn>) của Công ty.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 12. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định của Luật đấu thầu.

Chương II. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP

I. PHẠM VI CUNG CẤP

TT	Nội dung	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Áo sơ mi nam	Chi tiết theo nội dung tại Mục II, Chương II – Đặc tính kỹ thuật của sản phẩm tại YCBG/hoặc tương đương	Cái	135	Tài liệu chứng minh chất lượng
2	Quần âu nam		Cái	270	
3	Áo vest nam		Cái	135	
4	Áo sơ mi nữ		Cái	35	
5	Quần âu nữ/Chân váy		Cái	70	
6	Áo vest nữ		Cái	35	

- ***Yêu cầu:*** May đo theo kích thước của từng CBCNV
- ***Thời gian thực hiện gói thầu:*** Trong vòng 70 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
- ***Địa điểm đo đồng phục, giao hàng:***
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
Ấp 3, xã Đại Phước, TP.Đồng Nai
- ***Thời gian bảo hành:*** 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu sản phẩm
- ***Thời gian khắc phục sửa chữa:*** ≤ 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu

II. ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT CỦA SẢN PHẨM

I. Quy cách may bộ đồng phục Nam:

1. Áo Vest Nam CBNV:

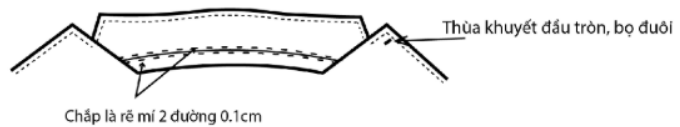
- Chất liệu: 72.2% Polyester $\pm 2\%$, 25.2% Rayon $\pm 2\%$, 2.6% Spandex $\pm 2\%$;
- Màu sắc: màu xanh tím than sẫm;
- Kiểu dáng: dáng vest cổ điển, mở thẳng, cài 2 khuy;
- Cổ: cổ 2 ve truyền thống, đột chỉ trang trí;
- Thân ngoài:
 - + Ngực trái bỏ 1 coi;
 - + May 2 chiết;
 - + Bỏ 2 túi dưới có nắp, sợi viền;
 - + Khuyết thừa đầu tròn, cài 2 khuy;
 - + Bỏ sống lưng, mở xẻ sườn;
 - + Tay tra thẳng, thừa đính 4 bộ khuy trang trí;
- Thân trong:
 - + Đột chỉ trang trí xung quanh nẹp;
 - + 2 túi 2 viền hai bên;
 - + 1 túi coi dưới miếng thêu tên CBNV.

***Yêu cầu kỹ thuật:**

- Mật độ mũi chỉ lần chính 5 mũi/cm, lần lót 6 mũi/cm;
- Chỉ may tex 24 cùng màu vải chính;
- Chỉ may lót cùng màu lót;
- Chỉ may nhãn cùng màu nhãn;
- Chỉ đính cúc cùng màu cúc.
- Ghim mọng tay, tra ken, chặn đầu ken với đường chắp vai trước;
- Tra tay tròn, đảm bảo đúng độ rơi, động mọng của đầu tay;
- Nhãn chính may 4 cạnh nằm bên lót thân trái khi mặc, ở chính giữa và cách miếng thêu 4cm;
- Vị trí dán mex: thân trước, đầu tay, định vị tay, cửa tay, nẹp ve, cổ áo, định vị thân sau, nắp túi, coi túi, định vị xẻ thân sau.

Mặt chính:
- Mặt độ chỉ may: 5 mũi/1cm

Dây lùa:
- To bản 0.5cm, dài thành phẩm 5cm
- Gắn giữa hòng cổ



Túi cơi ngực:
- D x R: 9.7 x 2cm
- Zic zac : đầu miệng túi

Thùa khuyết dấu tròn, đỉnh bộ đuôi, vị trí thừa khuyết theo mẫu, dài khuyết tương ứng với khuyết.

Có đệm nách

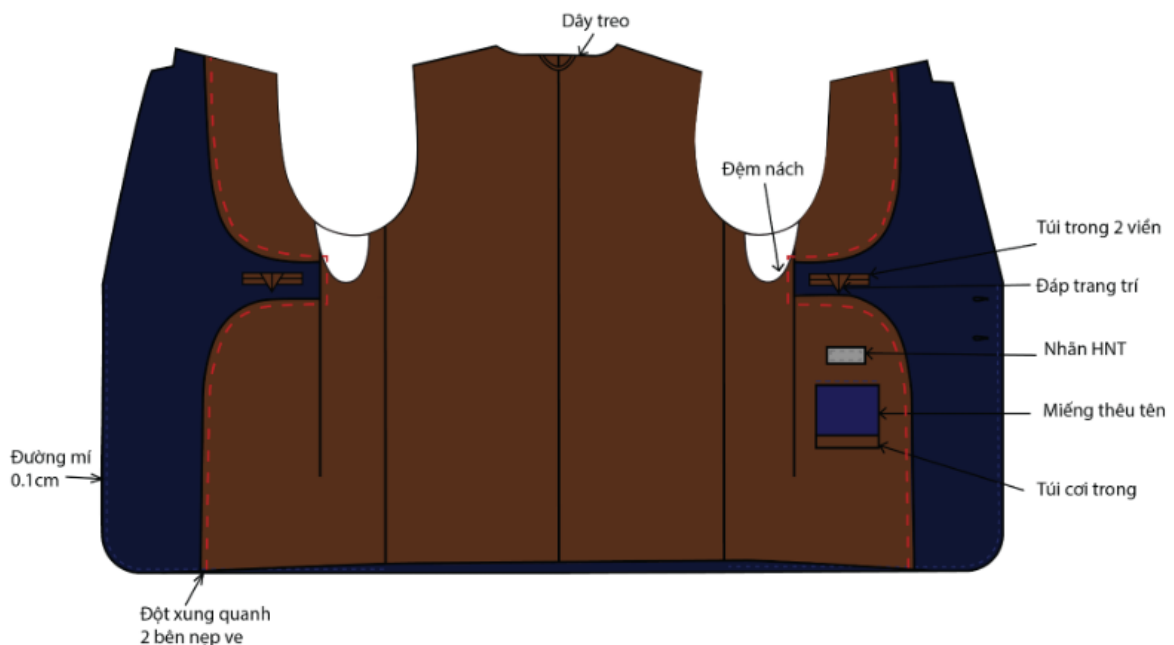
Khuy áo: đính khuy chéo có quần chân, chỉ đính khuy cùng màu vải.

Tay áo

Đột viền áo, đột ve, đột nắp túi. Đường đột 0.2cm

Đường lùa 0.2cm

Túi viền + nắp túi:
- Túi viền bản 1cm
- Vị trí túi theo mẫu



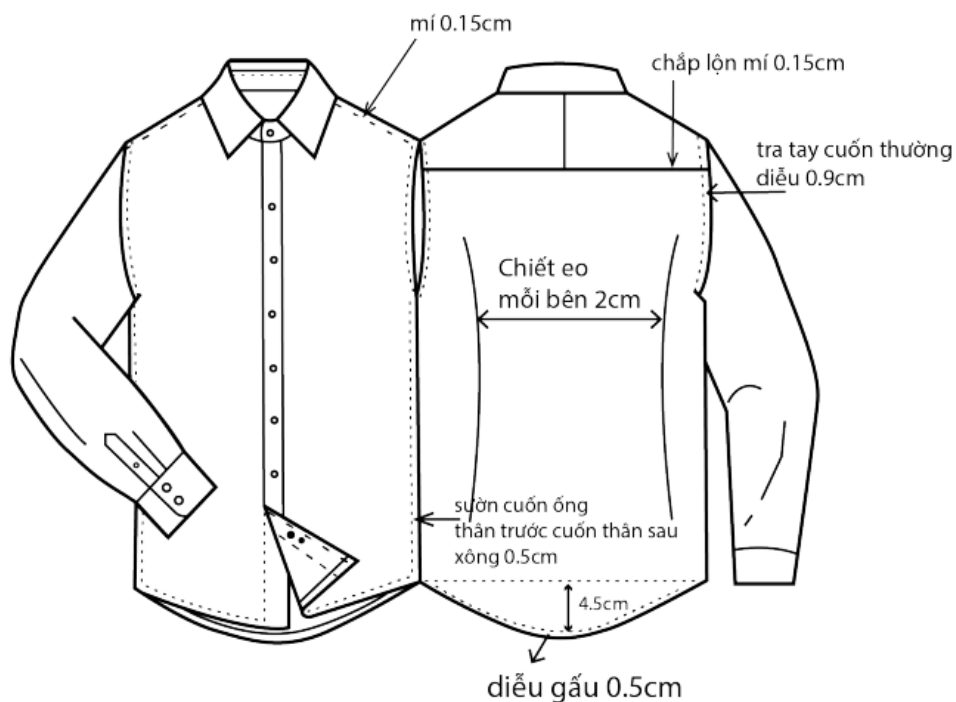
2. Áo sơ mi dài tay/cộc tay Nam CBNV:

- Chất liệu: 58% Polyester $\pm 2\%$, 42% Cotton (Bông) $\pm 2\%$;
- Màu sắc: màu trắng;
- Kiểu dáng: áo sơ mi cổ cutaway hidden, mở thẳng cài khuy;
- Cổ áo: cổ cutaway hidden, đầu lá cổ vuông và chân cổ nguyệt tròn, cài giấu khuy sau lá cổ;
- Thân trước: may trơn;
- Thân sau: cầu vai bỗ, xếp 2 ly;
- Gấu: gấu may cuộn 0.5cm;

- Tay:
 - + Tay dài: bổ thép tay, măng-séc 7cm, vuông cạnh, vát góc, thừa đỉnh 1 khuyết – 2 khuyết, thêu logo theo yêu cầu của PVPower NT2 trên măng-séc trái;
 - + Tay cộc: cửa tay tròn, thêu logo theo yêu cầu của PVPower NT2 trên cửa tay trái.

***Yêu cầu kỹ thuật:**

- Mật độ chỉ: 5 mũi chỉ/cm;
- Chỉ may vải chính tex 21, cùng màu vải chính;
- Chỉ may nhãn cùng màu nhãn;
- Các khuyết được thừa đầu bằng, vị trí thừa theo mẫu, khuyết dài theo cúc;
- Khuyết chân cổ thừa giữa chân cổ, cách mép chân cổ 1.2cm;
- Khuyết thừa thép tay cân giữa điểm chặn thép tay và tra măng-séc;
- Khuy: kích thước 16L thừa theo chiều dài áo, có 2 khuy hidden 13L thừa ở chân cổ;
- Nhãn: Nhãn may 4 cạnh giữa cầu vai trong;
- Mex: được dán tại vị trí cổ áo, chân cổ, nẹp áo, măng séc.
- Măng-séc Bevel II: bản măng-séc 7.5 cm.



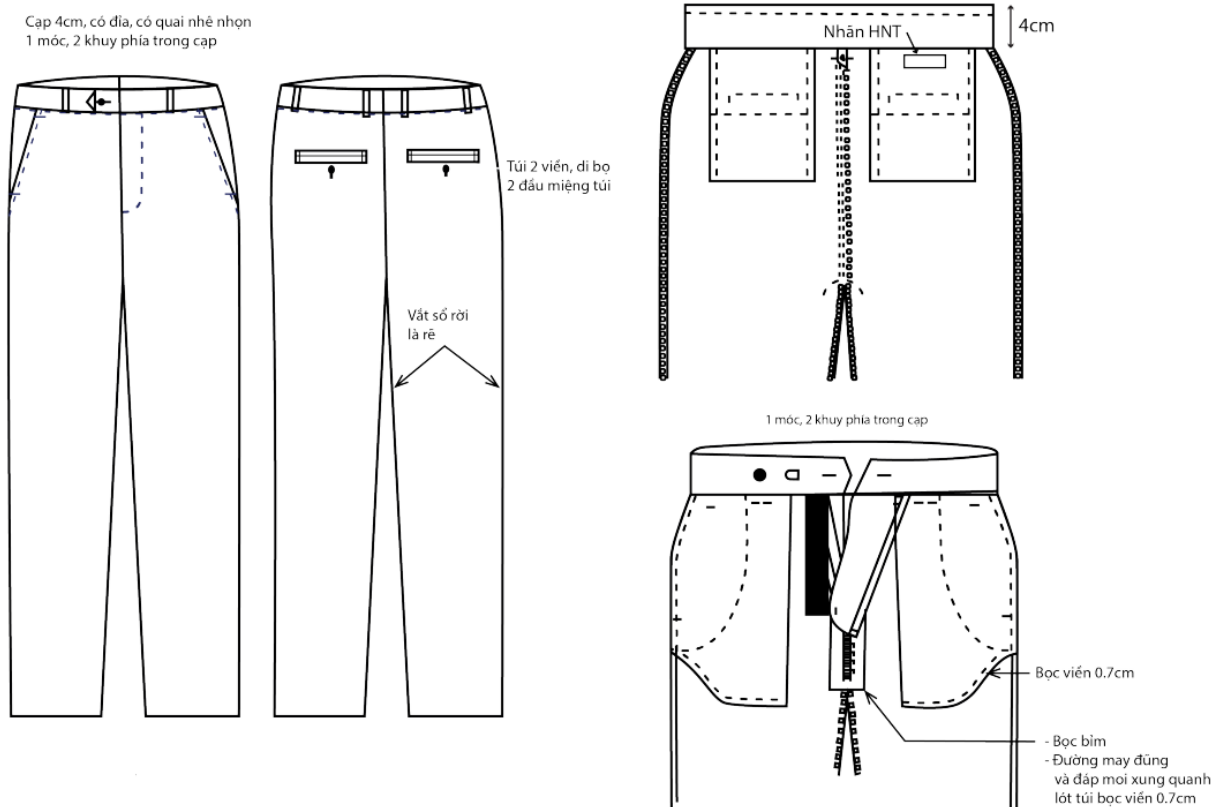
3. Quần âu Nam CBNV:

- Chất liệu: 72.2% Polyester $\pm 2\%$, 25.2% Rayon $\pm 2\%$, 2.6% Spandex $\pm 2\%$;
- Màu sắc: màu xanh tím than sẫm;
- Kiểu dáng: quần ống đứng, có ly chét;
- Cạp: bản cạp 4cm, gấn đĩa, đầu cạp quai nhô nhọn, thừa đỉnh 1 móc – 2 khuyết;
- Túi: túi chéo, viền miệng túi;
- Thân sau: bổ 2 túi hậu hai viền, thừa đỉnh khuyết;
- Ống: ống đứng không gập gấu lơ-vê, có kick-tape.

***Yêu cầu kỹ thuật:**

- Thân quần: thân trước: có 2 túi chéo, độ dài túi chéo 16.5cm; thân sau: có 2 túi 2

- viền.
- Cạp quần: bản 4cm, có quai nhô nhọn, thừa đính 1 móc – 2 khuy. Đĩa tròn cạp, dây đĩa quay lộn theo mẫu, kích thước D x R = 6 x 1cm; mí 0.2cm.
- Khuyết được thừa đầu tròn, bộ đuôi (các vị trí), chiều dài khuyết phụ thuộc vào đường kính cúc. Vị trí khuyết cạp cách đầu cạp 1.5cm, vị trí khuyết túi hậu thừa cân giữa túi hậu, cách miệng túi 1.5cm.
- Khuy: đính chéo, dùng khuy 24L, đính ở 2 bên đầu cạp và 2 túi hậu.
- Bộ 0.8cm: di ở đáy moi, 2 cạnh túi chéo, miệng túi hậu.
- Nhãn: nằm chính giữa lót túi sau bên trái, cách cạp 7.5cm.
- Móc cài:
- Phần cài: đính cân giữa đầu cạp phải, cách đầu cạp 7cm;
- Phần móc: khớp với phần cài, móc đính cân giữa cạp.
- Mật độ mũi chỉ: 5 mũi/cm;
- Chỉ may + chỉ vắt sổ vải chính cùng màu vải chính, chỉ tex 24;
- Chỉ may vải lót túi cùng màu lót, chỉ tex 24;
- Chỉ thừa khuyết cùng màu vải chính;
- Chỉ đính cúc cùng màu cúc;
- Chỉ may nhãn cùng màu nhãn.



II. Quy cách may bộ đồng phục Nữ:

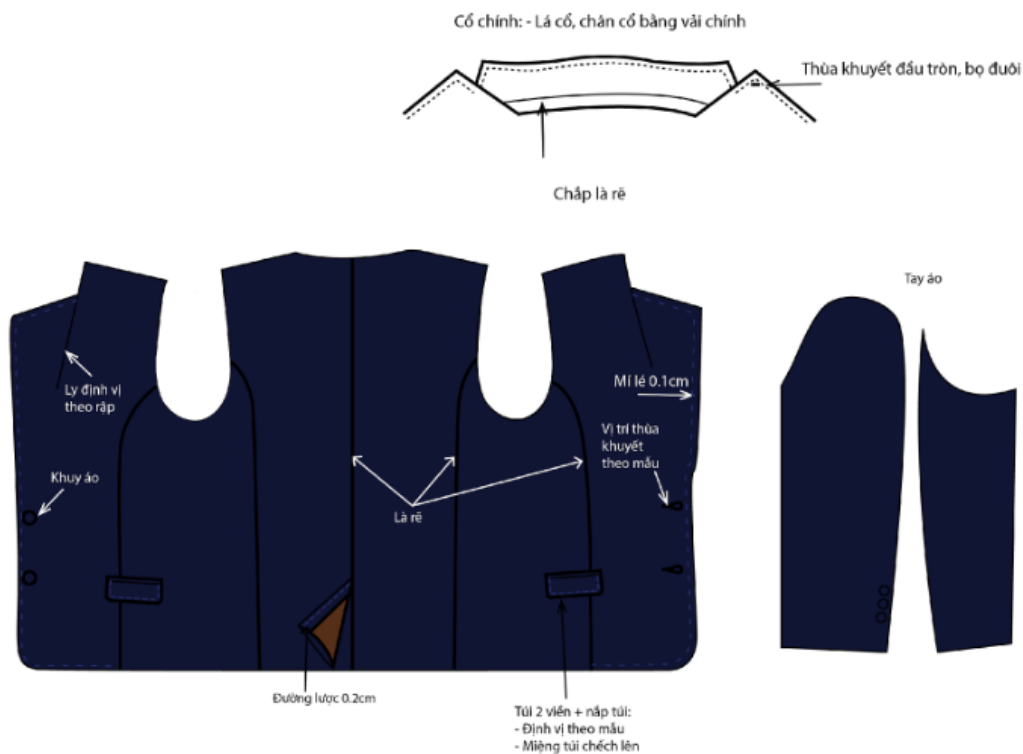
1. Áo Vest Nữ:

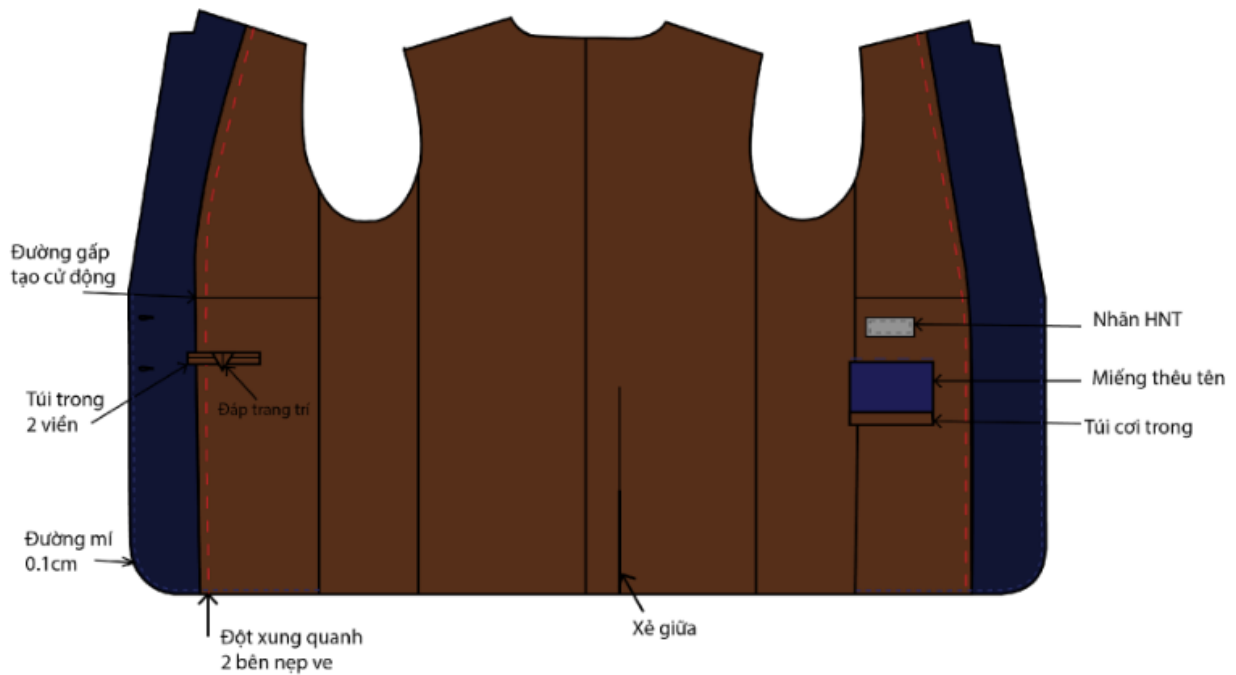
- Chất liệu: 72.2% Polyeste $\pm 2\%$, 25.2% Rayon $\pm 2\%$, 2.6% Spandex $\pm 2\%$;
- Màu sắc: màu xanh tím than sẫm;
- Kiểu dáng: dáng vest cổ điển, mở thẳng, cài 1 khuy;

- Cổ: cổ 2 ve truyền thống, đột chỉ trang trí;
- Thân ngoài:
 - + May 2 chiết;
 - + Bỏ 2 túi dưới có nắp, sợi viền;
 - + Khuyết thừa đầu tròn, cài 1 khuy;
 - + Bỏ sống lưng, mở xẻ giữa;
 - + Tay tra thẳng, thừa đính 3 bộ khuy trang trí;
- Thân trong:
 - + Đột chỉ trang trí xung quanh nếp;
 - + 1 túi 2 viền bên phải;
 - + 1 túi coi dưới miếng thêu tên CBNV.

***Yêu cầu kỹ thuật:**

- Mật độ mũi chỉ lần chính 5 mũi/cm, lần lót 6 mũi/cm;
- Chỉ may tex 24 cùng màu vải chính;
- Chỉ may lót cùng màu lót;
- Chỉ may nhãn cùng màu nhãn;
- Ghim mọng tay. Tra ken, chặn đầu ken với đường chắp vai trước. Tra tay tròn, đảm bảo đúng độ rơi, độ mọng của đầu tay;
- Khuyết thừa đầu tròn bộ đuôi, khuyết dài theo cúc, vị trí thừa theo mẫu;
- Nhãn chính may 4 cạnh nằm bên lót thân trái khi mặc, ở chính giữa và cách miếng thêu tên 2cm.



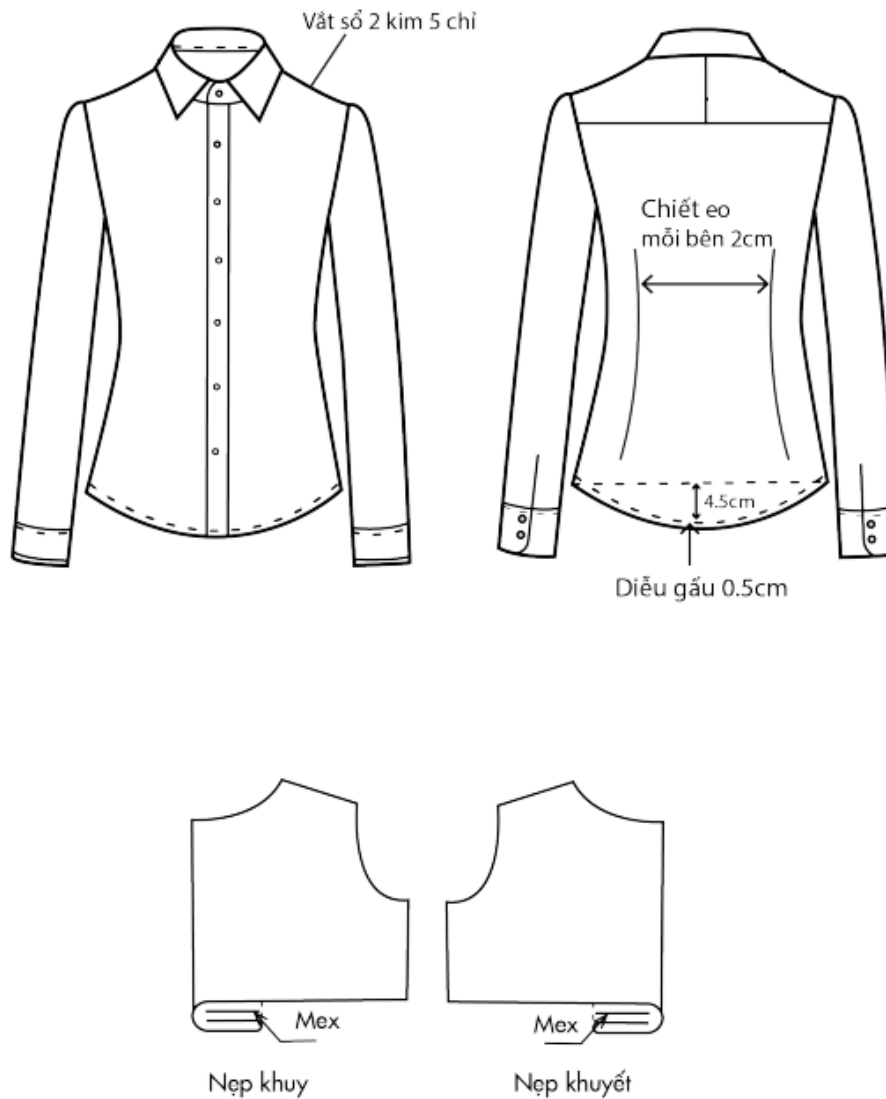


2. Áo sơ mi Nữ:

- Chất liệu: 58% Polyeste $\pm 2\%$, 42% Cotton (Bông) $\pm 2\%$;
- Màu sắc: màu trắng;
- Kiểu dáng: áo sơ mi cổ cutaway hidden, mở thẳng cài khuy;
- Cổ áo: cổ cutaway hidden, đầu lá cổ vuông và chân cổ nguyệt tròn, cài giấu khuy sau lá cổ;
- Thân trước: may trơn;
- Thân sau: cầu vai 2 lớp, xếp 2 ly;
- Gấu: gấu may cuộn 0.5cm;
- Tay:
 - + Tay dài: bỏ thép tay, măng-séc 7cm, vuông cạnh, vát góc, thừa đỉnh 1 khuyết – 2 khuy, thêu logo theo yêu cầu của PVPower NT2 trên măng-séc trái;
 - + Tay cộc: cửa tay trơn, thêu logo theo yêu cầu của PVPower NT2 trên cửa tay trái.

***Yêu cầu kỹ thuật:**

- Thân trước: may trơn, nẹp liền - bản nẹp 2.5cm;
- Mật độ chỉ: 5 mũi/cm;
- Chỉ may vải chính tex 21, cùng màu vải chính;
- Chỉ may nhãn cùng màu nhãn.
- Khuyết thừa đầu bằng, vị trí thừa theo mẫu, khuyết dài theo cúc;
- Khuyết nẹp: thừa giữa bản nẹp bên phải;
- Khuyết chân cổ: thừa giữa chân cổ, cách mép chân cổ 1,2cm.
- Khuy: kích thước 16L thừa theo chiều dài áo, có 2 khuy hidden 13L thừa ở chân cổ.
- Nhãn: nhãn may 4 cạnh giữa cầu vai trong, cách đường tra cổ 1.5cm.
- Mex: được dán tại vị trí cổ áo, chân cổ, nẹp áo, măng séc.



3. Quần âu Nữ/ Chân váy:

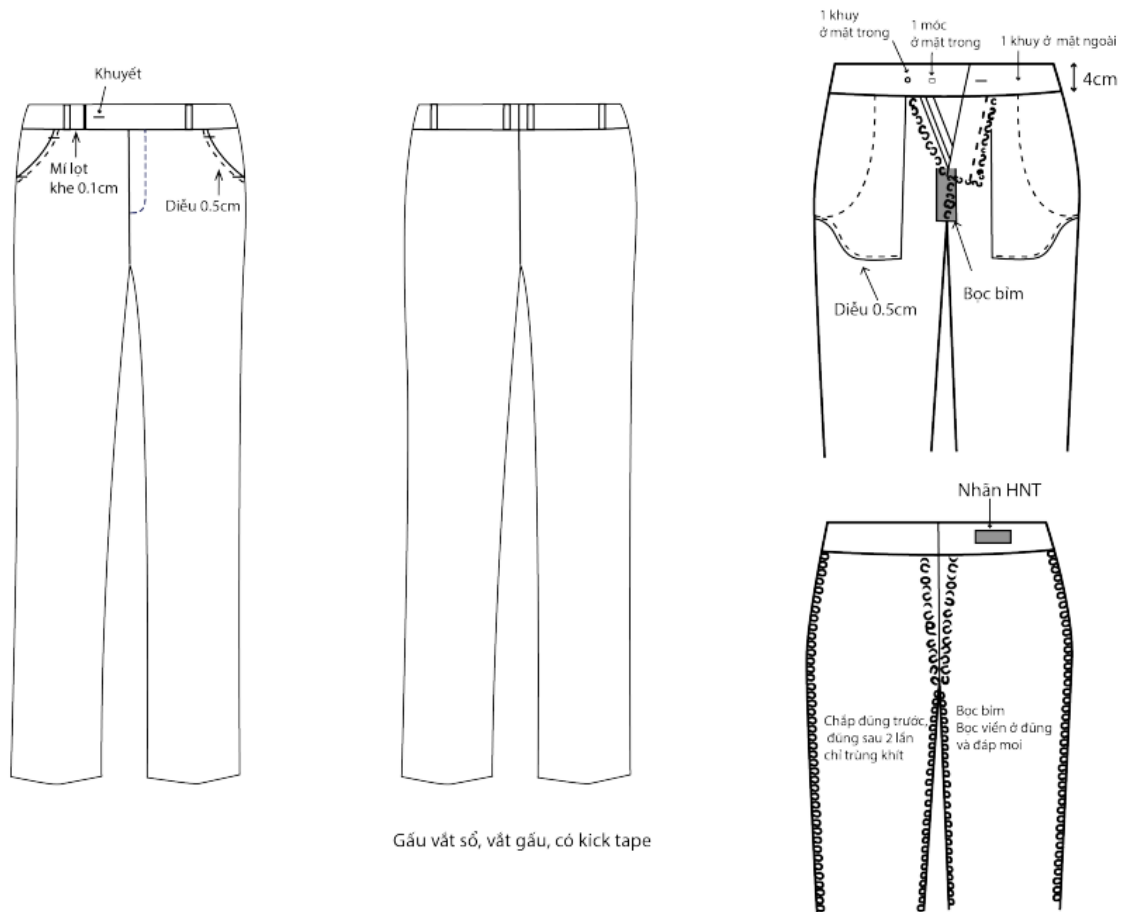
3.1. Quần âu Nữ:

- Chất liệu: 72.2% Polyeste $\pm 2\%$, 25.2% Rayon $\pm 2\%$, 2.6% Spandex $\pm 2\%$;
- Kiểu dáng: quần ống đứng, có ly chét;
- Cạp: đầu cạp quai nhê vuông, bản cạp 4cm, thừa đỉnh 1 móc - 2 khuy, đĩa tròn cạp;
- Túi: túi chéo, viền miệng túi 0,3cm;
- Thân sau: trơn;
- Đũng: bọc viền đường đũng trong, lót đũng bằng vải lót túi quần;
- Ống: ống đứng không gập gấu lơ-vê, có kick-tape.

***Yêu cầu kỹ thuật:**

- Bọ: 0.8cm, di ở moi, đáp moi, 2 cạnh túi chéo;
- Nhãn: may 4 cạnh giữa cạp lót bên trái, cách đường chắp đũng thân sau 7cm, đỉnh cạp 0.5cm;
- Móc cài: phần móc khớp với phần cài;
- Khuy: dùng 1 khuy 24L;
- Mật độ mũi chỉ: 5 mũi/cm;
- Chỉ may + chỉ vắt sổ vải chính cùng màu vải chính, chỉ tex 24;
- Chỉ may vải lót túi cùng màu lót, chỉ tex 24;

- Chỉ thừa khuyết cùng màu vải chính;
- Chỉ đính cúc cùng màu cúc;
- Chỉ may nhãn cùng màu nhãn.
- Mex: được dán tại vị trí cạp quần, miệng túi, moi, đấp moi.



3.2. Chân váy:

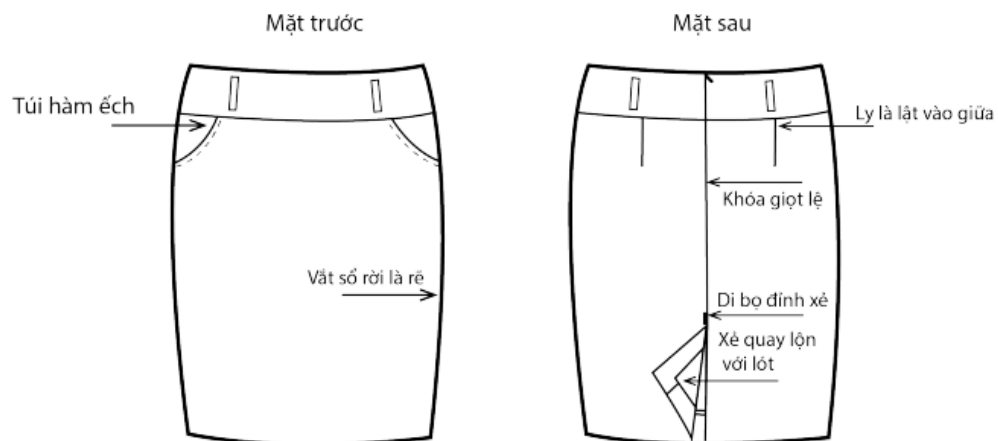
- Chất liệu: 72.2% Polyeste $\pm 2\%$, 25.2% Rayon $\pm 2\%$, 2.6% Spandex $\pm 2\%$;
- Màu sắc: màu xanh tím than sẫm;
- Túi: túi hàm ếch, viền miệng túi 0,3cm;
- Cạp: cạp có gắn đĩa;
- Độ dài: độ dài qua kheo chân, thân sau bỏ giữa, có khóa kéo, mở xẻ từ 13-18cm tùy theo chiều dài chân váy.

*Yêu cầu kỹ thuật:

- Dáng juyp: dáng ôm vừa, có lớp lót, 2 dây lụa treo juyp ở 2 bên chân cạp phần lót, cạp gắn đĩa;
- Thân trước: có 2 túi hàm ếch, thân sau có 2 ly 2 bên, xẻ sau tạo cử động;
- Mật độ chỉ: 5 mũi/cm;
- Chỉ may vải chính tex 24 cùng màu vải chính;
- Chỉ may lót tex 24 cùng màu lót;
- Chỉ may nhãn cùng màu nhãn;
- Mex: được dán tại vị trí cạp, miệng túi, định vị xẻ.

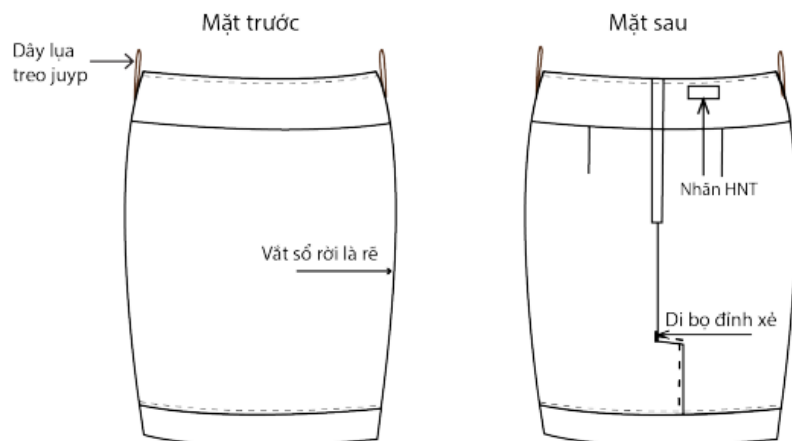
- Nhãn: nhãn may 4 cạnh giữa cặp lót bên trái, cách đường giữa thân sau 5.5cm.

Mặt ngoài



Gấu vắt sổ, may bằng máy vắt gấu.

Mặt trong



Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN DỰ THẦU

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]

Tên dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện gói thầu là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

_____, ngày . tháng . năm _____

Gói thầu: _____[ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____[ghi tên dự án]

Căn cứ⁽²⁾ _____[Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội];

Căn cứ⁽²⁾ _____[Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

Căn cứ hồ sơ mời thầu gói thầu _____[ghi tên gói thầu] ngày ____ tháng ____ năm ____[ngày được ghi trên BBG];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____[ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____[ghi tên gói thầu] thuộc dự án _____[ghi tên dự án].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____[ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;

- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác ____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án ____ [ghi tên dự án] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí ủy quyền cho ____ [ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽³⁾:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ BBG và văn bản giải trình, làm rõ BBG hoặc văn bản đề nghị rút BBG, sửa đổi, thay thế BBG;

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây ⁽⁴⁾:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- ____ - ____	- ____% - ____%
2	Tên thành viên thứ 2	- ____ - ____	- ____% - ____%
....			
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án ____ [ghi tên dự án] theo thông báo của Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ _____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ tên, số hiệu của các phần mà nhà thầu liên danh tham dự thầu, trong đó nêu rõ trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh đối với phần tham dự thầu.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

STT	Nội dung	Giá chào
1		(I1)
Tổng cộng giá chào theo số lượng đã bao gồm thuế, phí: (I)= (I1) <i>(Kết chuyển sang đơn chào hàng)</i>		(I)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BIỂU PHẠM VI CUNG CẤP, GIÁ CHÀO

1	2	3	4	5	6	7	8
Stt	Danh mục hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (VND/ĐVT)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
I	Nội dung						
II	Tổng chưa bao gồm thuế						
III	Thuế VAT						
IV	Tổng cộng giá chào theo số lượng đã bao gồm thuế, phí liên quan						

– **Địa điểm đo đồng phục, giao hàng:**

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Áp 3, xã Đại Phước, TP.Đồng Nai

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Đơn giá tại cột (7) bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện công việc theo yêu cầu của bên mời thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có).

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà thầu: ____ *[ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>		
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Giá hợp đồng	<i>[ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]</i>		Tương đương ____ VND
Trong trường hợp là thành viên trong liên danh, ghi giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhiệm	<i>[ghi phần trăm giá hợp đồng trong tổng giá hợp đồng]</i>	<i>[ghi số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương ____ VND
Tên dự án:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]</i>		
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>		
Địa chỉ:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]</i>		
Điện thoại/fax:	<i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]</i>		
E-mail:			
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá BBG⁽²⁾.			
1. Loại dịch vụ	<i>[ghi thông tin phù hợp]</i>		
2. Về giá trị	<i>[ghi số tiền bằng VND]</i>		
3. Về quy mô thực hiện	<i>[ghi quy mô theo hợp đồng]</i>		
4. Các đặc tính khác	<i>[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]</i>		

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp có xác nhận của nhà thầu các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của Chủ đầu tư về hợp đồng đã hoàn thành theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).

Ghi chú:

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

- Căn cứ⁽¹⁾ ____ [Bộ luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 27/06/2005];

- Căn cứ⁽¹⁾ ____ [Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015];

- Căn cứ⁽¹⁾ ____ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13];

- Căn cứ⁽¹⁾ ____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP];

- Căn cứ ____ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] của ____ [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

BÊN A: Chủ đầu tư/bên mời thầu (sau đây gọi là PVPower NT2)

Tên chủ đầu tư/bên mời thầu [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

BÊN B: Nhà thầu (sau đây gọi là Nhà thầu)

Tên nhà thầu [Ghi tên nhà thầu trúng thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

¹ Cập nhật văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng Hợp đồng

PVPower NT2 giao cho Nhà thầu thực hiện cung cấp hàng hóa theo yêu cầu cụ thể như Phụ lục 1 – Biểu giá và phạm vi cung cấp (đính kèm).

Điều 2. Thành phần Hợp đồng

Thành phần Hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản Hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện Hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Báo giá và các văn bản làm rõ báo giá của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
5. Bản yêu cầu báo giá và các tài liệu sửa đổi, làm rõ bản yêu cầu báo giá (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của PVPower NT2

- Cung cấp cho Nhà thầu các tài liệu của NMDN Nhơn Trạch 2 liên quan tới việc thực hiện hợp đồng trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cung cấp tài liệu của Nhà thầu;
- Phối hợp với Nhà thầu xử lý các phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng;
- Cử đại diện của mình phối hợp và theo dõi Nhà thầu triển khai thực hiện các công việc phù hợp với các quy định của hợp đồng;
- Tiếp nhận, kiểm tra và nghiệm thu hàng hóa do Nhà thầu cung cấp theo quy định trong hợp đồng;
- Cam kết thanh toán cho Nhà thầu theo quy định của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Nhà thầu

- Thực hiện các công việc theo đúng quy định của hợp đồng;
- Chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa cung cấp theo đúng chủng loại, đặc tính kỹ thuật;
- Thực hiện đúng, đầy đủ các Điều khoản đã ghi trong hợp đồng;
- Cung cấp cho PVPower NT2 mọi thông tin cần thiết liên quan đến việc thực hiện hợp đồng theo yêu cầu của PVPower NT2.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

Giá hợp đồng: _____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ].

Phương thức thanh toán:

5.1 Phương thức thanh toán: Bằng chuyển khoản.

5.2 Đồng tiền thanh toán: Việt Nam Đồng.

5.3 Điều kiện và tiến độ thanh toán:

- Tạm ứng: Tạm ứng 30% giá trị hợp đồng.
- Phương thức thanh toán: Bằng chuyển khoản.
- Số lần thanh toán 02 đợt.

5.4 Thời hạn thanh toán:

- Đợt 1: Sau khi ký hợp đồng Bên A tạm ứng cho Bên B 30% giá trị hợp đồng thời hạn thanh toán trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi Bên A nhận được bộ hồ sơ như sau:
 - Công văn đề nghị tạm ứng.
 - Bản gốc chứng thư bảo lãnh tạm ứng được ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương 30% giá trị Hợp đồng.
 - Bản gốc bảo lãnh thực hiện hợp đồng trị giá tương đương 3% giá trị hợp đồng với thời hạn 120 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Đợt 2: Thanh toán 70% giá trị còn lại sau khi hàng hóa được giao. Thời gian thanh toán trong vòng 15 ngày kể từ khi Bên A nhận được bộ Hồ sơ thanh toán theo quy định;

5.5 Hồ sơ thanh toán, bao gồm:

Hồ sơ thanh toán cho 70% giá trị hợp đồng bao gồm:

- Một (01) Bản gốc Giấy đề nghị thanh toán;
- Một (01) Bản gốc Hóa đơn GTGT theo quy định của Bộ Tài Chính có giá trị bằng 100% giá trị thanh toán;
- Một (01) Bản gốc thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành theo có giá trị bằng 3% giá hợp đồng;
- Một (01) Bản gốc Biên bản nghiệm thu hàng hóa;
- Một (01) Bản gốc phiếu kết quả thử nghiệm thành phần vải/tài liệu tương đương do cơ quan có thẩm quyền phát hành.
- Tài liệu kỹ thuật hàng hóa (nếu có);
- Một (01) Bản gốc Biên bản quyết toán thanh lý hợp đồng;
- Một (01) Bản gốc Giấy bảo hành của nhà sản xuất/nhà cung cấp;
- Một (01) Bản gốc Giấy bảo lãnh bảo hành của một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam có giá trị bằng 5% giá trị hợp đồng trước thuế VAT.

Điều 6. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định

Thời gian thực hiện gói thầu

Thời gian thực hiện gói thầu: **70** ngày kể từ ngày ký Hợp đồng.

Điều 7: GIAO HÀNG VÀ NGHIỆM THU

7.1 Thời gian giao hàng: Bên B sẽ giao hàng cho Bên A trong vòng **70** ngày kể từ ngày ký Hợp đồng.

7.2 Thủ tục giao hàng:

- ❖ Thông báo giao hàng: Bên B sẽ gửi thông báo giao hàng bằng văn bản (có đính kèm danh mục hàng hóa được giao) cho Bên A trước 03 ngày để Bên A tiến hành tổ chức nghiệm thu;
- ❖ Biên bản bàn giao: Gồm 04 (bốn) bản được đại diện giữa hai bên xác nhận tại thời điểm giao hàng;
- ❖ Tài liệu kỹ thuật hàng hóa (nếu có);

7.3 Địa điểm giao hàng: Tại Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 Ấp 3, xã Đại Phước, TP.Đồng Nai.

7.4 Chi phí giao hàng: Toàn bộ chi phí giao hàng/nghiệm thu do Bên B chịu.

Điều 8: Bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh bảo hành

- Trong vòng bảy (7) ngày kể từ ngày ký hợp đồng, Bên B sẽ chuyển cho Bên A một thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng hoặc đặt cọc bằng Séc với giá trị tương đương với 3% giá hợp đồng với thời hạn **120** ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng sẽ được Bên A hoàn trả cho Bên B trong vòng 30 ngày sau khi hai bên ký biên bản quyết toán thanh lý hợp đồng và Bên B nộp bảo lãnh bảo hành cho toàn bộ hàng hóa theo hợp đồng.
- Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng sẽ được trả cho Bên A như một khoản bồi thường cho bất cứ thiệt hại nào phát sinh do lỗi của Bên B do việc không hoàn thành nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng.
- Bảo lãnh bảo hành có giá trị bằng 5% giá trị hợp đồng trước thuế VAT và có hiệu lực 37 ngày kể từ ngày nghiệm thu đợt cuối. Trường hợp phát hành bảo lãnh sau ngày nghiệm thu thì hiệu lực của bảo lãnh kể từ ngày phát hành bảo lãnh hợp lệ.
- Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng, Chứng thư bảo lãnh tạm ứng và Bảo lãnh bảo hành phải do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành.

Điều 9: SỬA ĐỔI BỔ SUNG, GIA HẠN VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

9.1 Sửa đổi bổ sung:

Trường hợp cần thiết điều chỉnh hoặc bổ sung, hai bên sẽ thỏa thuận bằng văn bản kèm theo hợp đồng này.

9.2 Gia hạn hợp đồng:

Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nếu Bên B gặp khó khăn gây chậm trễ trong việc thực hiện theo thời gian quy định tại hợp đồng này thì Bên B phải thông báo cho Bên A biết đồng thời nêu rõ lý do cùng với thời gian dự tính kéo dài. Khi nhận được thông báo của Bên B, Bên A phải trả lời Bên B bằng văn bản trong vòng 03 ngày. Việc Bên A đồng ý gia hạn hợp đồng sẽ là cơ sở để hai Bên thương thảo ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

9.3 Chấm dứt hợp đồng:

- Bên A có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên B khi Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn thêm như Khoản 9.2 Điều này.
- Khi Bên A chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Nếu Bên A không tìm được đơn vị cung cấp khác thì Bên B phải chịu phạt 8% giá trị trước thuế của hàng hóa không cung cấp được. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng do mình thực hiện.

Điều 10: TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

10.1 Quy định về bất khả kháng:

Bất khả kháng được hiểu là sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các Bên, không liên quan đến sai phạm hoặc sơ suất của các Bên chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, khủng bố, hay những trường hợp tương tự mà hai bên chịu ảnh hưởng, không thể kiểm soát, điều khiển được.

10.2 Thủ tục về bất khả kháng:

Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, các bên phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho nhau về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, Bên bị xảy ra sự kiện bất khả kháng phải chuyển cho Bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Trừ khi có ý kiến của Bên kia bằng văn bản, Bên bị xảy ra sự kiện bất khả kháng vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần không bị ảnh hưởng của trường hợp bất khả kháng.

Bên bị xảy ra sự kiện bất khả kháng sẽ không bị bồi thường thiệt hại hay chấm dứt Hợp đồng.

Điều 11: PHẠT DO VI PHẠM THỜI HẠN GIAO HÀNG

- Trừ trường hợp bất khả kháng như quy định tại Điều 10, nếu Bên B không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn, thì Bên A có quyền khấu trừ khoản tiền phạt tương ứng với 0,3% giá trị hàng hóa giao chậm cho mỗi ngày chậm giao hàng và mức tối đa không quá 8% tổng giá trị hợp đồng trước thuế. Khi thời gian giao hàng vượt quá 4 tuần, Bên A có thể xem xét việc chấm dứt Hợp đồng và tịch thu tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng của Bên B.

Điều 12: PHẠT DO CHẬM NGHIỆM THU THANH TOÁN

- Trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc, Bên A không tiến hành nghiệm thu hàng hóa của Bên B mà không đưa ra được lý do chính đáng bằng văn bản thì Bên A sẽ bồi thường thiệt hại cho Bên B khoản tiền phạt tương ứng với 0,05% giá trị hàng hóa được giao trước thuế cho mỗi ngày chậm nghiệm thu và mức tối đa không quá 8% giá trị hợp đồng trước thuế.
- Trong trường hợp Bên A chậm thanh toán cho Bên B theo quy định tại Điều 6 hợp đồng. Bên A sẽ bồi thường cho Bên B khoản tiền phạt chậm thanh toán được tính trên cơ sở số tiền chậm trả, với lãi suất được tính bằng 100% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà Nước công bố tại thời điểm tương ứng theo số ngày chậm trả thực tế.

Điều 13: BẢO HÀNH

13.1 Giá trị bảo lãnh bảo hành:

Sau ngày nghiệm thu hàng hóa Bên B phải nộp cho Bên A bản gốc bảo lãnh bảo hành có giá trị bằng 5% giá trị hợp đồng trước thuế VAT tương ứng với thời gian bảo hành Hàng hóa do ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành.

Nếu trong thời gian bảo hành hàng hóa xảy ra tình trạng hư hỏng hoặc không phù hợp với qui định của hợp đồng mà nguyên nhân do lỗi của Bên B thì Bên B phải có trách nhiệm khắc phục hoặc thay thế mới trong thời gian hợp lý (nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A).

13.2 Thời gian bảo hành:

Ba mươi bảy (37) ngày kể từ ngày ký biên bản bàn giao nghiệm thu hàng hóa.

13.3 Phạm vi bảo hành:

- Phạm vi bảo hành: Toàn bộ hàng hóa do Bên B cung cấp.
- Nguyên tắc bảo hành: không bảo hành những trường hợp hư hỏng do Bên A bảo quản và sử dụng không đúng mục đích, hướng dẫn của Bên B.
- Thủ tục bảo hành: Khi phát hiện các hư hỏng thuộc phạm vi bảo hành của Bên B, Bên A gửi thông báo bằng văn bản cho Bên B, trong đó nêu rõ các hư hỏng hoặc các hiện tượng hư hỏng. Sau khi nhận được thông báo của Bên A, Bên B sẽ cử nhân viên đến kiểm tra tại Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 hoặc hướng dẫn Bên A kiểm tra, xác định nguyên nhân hư hỏng để thay thế kịp thời. Các chi phí do khắc phục hư hỏng trong phạm vi bảo hành của Bên B sẽ được miễn phí.
- Địa điểm bảo hành: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2, Ấp 3, xã Đại Phước, TP.Đồng Nai.

Điều 14: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

14.1 Ngôn ngữ hợp đồng và Luật áp dụng

- Ngôn ngữ của hợp đồng là Tiếng Việt.

- Luật điều chỉnh hợp đồng là pháp luật Việt Nam.

14.2 Giải quyết tranh chấp:

- Hai Bên cam kết nghiêm chỉnh thực hiện các điều khoản đã ký kết, không Bên nào được đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng này, mọi vấn đề khó khăn trở ngại hai Bên cùng thương lượng giải quyết trên tinh thần hai Bên cùng có lợi. Các thay đổi đều phải được thỏa thuận bằng văn bản do hai Bên ký kết mới có hiệu lực.
- Mọi tranh chấp nếu có mà hai Bên không hòa giải được sẽ được đưa ra Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai giải quyết theo quy định của pháp luật.

14.3 Hiệu lực hợp đồng:

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký, hết hiệu lực khi hai bên quyết toán thanh lý hợp đồng.

Hợp đồng này được lập thành năm (05) bản gốc có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ ba (03) bản, Bên B giữ hai (02) bản để thực hiện.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NHÀ THẦU**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
CHỦ ĐẦU TƯ/BÊN MỜI THẦU**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC
BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở bản yêu cầu báo giá, báo giá của nhà thầu và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Biểu giá theo Mẫu số 03a(1)].

MẪU BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____[Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu]

(sau đây gọi là chủ đầu tư/bên mời thầu)

Theo đề nghị của _____[Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu _____[Ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hoá cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);⁽²⁾

Theo quy định trong bản yêu cầu báo giá (hoặc hợp đồng), nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư/bên mời thầu bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____[Ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại _____[Ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là _____[Ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho chủ đầu tư/bên mời thầu bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____[Ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của chủ đầu tư/bên mời thầu thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì bên mời thầu sẽ báo cáo chủ đầu tư/bên mời thầu xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của _____[Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu trúng thầu gói thầu _____[Ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số _____[Ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại hợp đồng.